TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 24/10/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**
2. Ông **Nguyễn Văn Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Quốc Thanh**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-DS ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp Mương K, xã TM, huyện CT, tỉnh ST (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, là luật sư Công ty luật TNHH PN, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, địa chỉ: số 26 Trần Khánh Dư, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Hồ Thị P** (vắng mặt) và ông **Hà Văn M** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Mương K, xã Thiện M, huyện CT, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2017, bà Nguyễn Thị T có tham gia góp hụi do bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M làm đầu thảo, còn bà T là người tham gia góp hụi. Bà T có tham gia 02 dây hụi, mỗi dây hụi bà tham gia góp một phần. Hai dây hụi bà tham gia được thỏa thuận theo tháng, mỗi tháng sẽ khui một lần.

Dây hụi thứ nhất, có 15 phần và số tiền của dây hụi là 2.000.000 đồng/phần, dây hụi khui vào ngày 01/8/2017. Tính đến tháng 7/2018, hai dây hụi khui được tổng cộng là 12 lần. Như vậy, tính đến tháng 7/2018, bà T đã góp tiền hụi cho bà P, ông M số tiền (hụi sống) là 2.000.000 đồng x 12 lần = 24.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai, có 28 phần và số tiền của dây hụi là 1.000.000 đồng/phần, dây hụi khui vào ngày 25/5/2017. Tính đến tháng 7/2018, hai dây hụi đã khui được 15 lần. Như vậy, tính đến tháng 7/2018, bà T góp cho bà P, ông M hụi sống số tiền: 1.000.000 đồng x 15 lần = 15.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền hụi mà bà P, ông M còn nợ bà hai dây hụi là: 39.000.000 đồng.

Đến tháng 8 năm 2018, bà P và ông M đã tuyên bố bể hụi và không thanh toán số tiền trên cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu bà P, ông M thanh toán, nhưng bà P, ông M vẫn không thiện chí trả số tiền nợ hụi nêu trên cho bà.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xem xét giải quyết buộc bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M phải trả cho bà số tiền nợ hụi tổng cộng là 39.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 33.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về quan hệ pháp luật và yêu cầu đương sự:*

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M trả số tiền nợ hụi là 33.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

[4] Bên cạnh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này và phía nguyên đơn có trình bày về nội dung yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ hụi là 33.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi tham gia góp hụi, phía nguyên đơn và bị đơn đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc tham gia góp hụi trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên việc tham giá góp hụi giữa nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Nguyên đơn có tham gia góp hụi đối với bị đơn thể hiện qua danh sách hụi và biên bản hòa giải cơ sở lập ngày 28/5/2019, bị đơn M cũng đã thừa nhận còn thiếu số tiền nợ hụi của nguyên đơn, nhưng không có khả năng trả nợ. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi 33.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến cho rằng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi là 33.000.000 đồng, nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi khiện của nguyên đơn, đồng thời buộc phía bị đơn phải trả số tiền 33.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Áp dụng Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi là 33.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bị đơn bà Hồ Thị P (Hồ Thúy P) và ông hà Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 33.000.000 đồng x 5% = 1.650.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại 975.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006891 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nhẫn